

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014*  
*đã được kiểm toán*



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4 - 5</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	<b>6 - 30</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÓN DỊCH VỤ  
HÀ NỘI

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực LOD (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực LOD được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009412 ngày 03 tháng 10 năm 2005. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi thành giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109554. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp từ lần thứ 01 đến lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 40.937.910.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Kinh doanh tòa nhà cho thuê văn phòng;
- Xuất khẩu lao động;
- Giới thiệu việc làm.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 924, đường Bạch Đằng, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Công Bình	Chủ tịch
Ông Lê Nhật Tân	Ủy viên
Bà Đặng Thu Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Dũng	Ủy viên

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Đặng Thu Hà	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hà Minh Nhật	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015
Ông Đặng Việt Long	Kế toán trưởng	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2015

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**


**Đặng Thu Hà**



AASCN

Số: 115./2015/BCKT-AASCN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT  
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực LOD, được lập ngày 11 tháng 4 năm 2015, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

- Khoản phải trả cho lao động xuất khẩu đã hết thời hạn lao động từ những năm trước nhưng các đối tượng lao động chưa làm thủ tục thanh quyết toán với Công ty đang được trình bày trên chỉ tiêu "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 số tiền 78.054.259.072 đồng (xem thuyết minh số V.20). Khoản phải trả này không được đối chiếu xác nhận với các đối tượng lao động xuất khẩu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại 31 tháng 12 năm 2013. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản phải trả này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư khoản phải trả này cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.
- Đến thời điểm 31/12/2014, một phần doanh thu dịch vụ xuất khẩu lao động đã đủ điều kiện ghi nhận doanh thu đang được Công ty trình bày trên khoản mục "Doanh thu chưa thực hiện" số tiền là 8.482.014.977 đồng. Nếu khoản doanh thu nêu trên được ghi nhận đầy đủ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2014 thì một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được thay đổi, cụ thể trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất, chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" (mã số 01), chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (mã số 50) tăng thêm 8.482.014.977 đồng, chỉ tiêu "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" (mã số 51) tăng thêm 1.866.043.295 đồng, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (mã số 60) tăng thêm

11/11/2015 10:00 AM

**Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)**

6.615.971.682 đồng và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ” (mã số 62) tăng thêm 6.615.971.682 đồng; trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, chỉ tiêu “Doanh thu chưa thực hiện” (mã số 338) giảm đi 8.482.014.977 đồng, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 420) tăng thêm 6.615.971.682 đồng, chỉ tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước” (mã số 154) giảm đi 327.639.574 đồng và chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” (mã số 314) tăng thêm 1.538.403.721 đồng.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực LOD tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

*Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2015*

**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Bùi Ngọc Vương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

**Bùi Thị Ngọc Lan**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>364.568.220.826</b>	<b>280.881.667.602</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>131.222.477.523</b>	<b>75.546.296.086</b>
1.	Tiền	111		7.605.965.826	7.909.096.431
2.	Các khoản tương đương tiền	112		123.616.511.697	67.637.199.655
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>47.379.000.000</b>	<b>69.831.683.896</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		47.379.000.000	69.831.683.896
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>98.879.932.884</b>	<b>56.621.292.408</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		96.120.340.421	53.017.501.529
2.	Trả trước cho người bán	132		16.872.763.911	15.231.547.483
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	25.210.503.628	20.478.842.461
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(39.323.675.076)	(32.106.599.065)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>206.478.652</b>	<b>457.172.457</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	206.478.652	457.172.457
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>86.880.331.767</b>	<b>78.425.222.755</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		217.775.519	661.567.788
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		551.215.735	2.070.867.828
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	327.639.574	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	85.783.700.939	75.692.787.139

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>164.076.760.842</b>	<b>209.159.603.706</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>137.118.602.548</b>	<b>120.116.058.056</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	127.978.556.897	111.230.399.363
	- Nguyên giá	222		156.992.061.226	135.292.867.089
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(29.013.504.329)	(24.062.467.726)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	192.591.220	97.283.342
	- Nguyên giá	228		296.031.300	129.681.300
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(103.440.080)	(32.397.958)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	8.947.454.431	8.788.375.351
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	-	<b>67.553.188.312</b>
1.	Nguyên giá	241		-	80.009.844.578
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	(12.456.656.266)
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.057.103.750</b>	<b>2.062.103.750</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	2.057.103.750	2.062.103.750
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>24.901.054.544</b>	<b>19.428.253.588</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	22.474.010.965	16.871.943.649
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	63.624.956	93.480.755
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.14	2.363.418.623	2.462.829.184
<b>VI.</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>528.644.981.668</b>	<b>490.041.271.308</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>383.989.039.118</b>	<b>395.772.237.585</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>263.338.032.912</b>	<b>246.424.316.736</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	10.010.000.000	19.269.185.922
2.	Phải trả người bán	312		9.432.146.399	2.907.026.845
3.	Người mua trả tiền trước	313		181.614.453	146.688.040
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	565.382.997	5.189.464.971
5.	Phải trả người lao động	315		3.222.798.889	3.725.072.105
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	2.233.126.196	1.358.044.088
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	236.887.453.036	213.349.644.202
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		805.510.942	479.190.563
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>120.651.006.206</b>	<b>149.347.920.849</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.19	91.996.564.811	66.692.741.562
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	10.672.269.516	46.522.800.000
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		17.982.171.879	36.132.379.287
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>143.170.303.609</b>	<b>92.456.866.266</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>143.170.303.609</b>	<b>92.456.866.266</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.937.910.000	40.937.910.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		17.894.745.572	17.536.397.383
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		7.530.392.464	7.408.932.369
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		856.068.518	856.068.518
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		75.951.187.055	25.717.557.996
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C.</b>	<b>LỢI ÍCH CÒ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>1.485.638.941</b>	<b>1.812.167.457</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>528.644.981.668</b>	<b>490.041.271.308</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		489.385,34	142.345,53
	EUR		-	-
	JPY		1.472.715,00	14.750.230,00
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2015

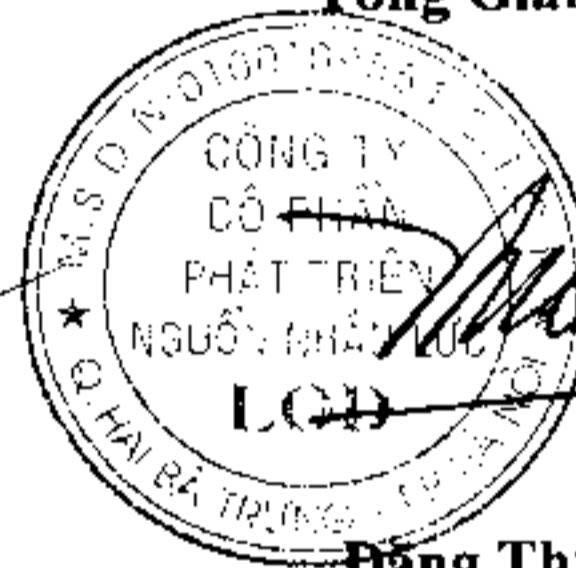
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

**Đặng Việt Long**

**Đặng Việt Long**



**Đặng Thu Hà**

11/11/2015 14:11

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>96.547.646.681</b>	<b>93.071.110.761</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	172.931.334
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.03</b>	<b>96.547.646.681</b>	<b>92.898.179.427</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	56.394.806.454	53.252.103.207
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>40.152.840.227</b>	<b>39.646.076.220</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	7.241.607.018	14.793.752.654
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	6.154.994.543	11.528.650.177
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.937.729.654</i>	<i>7.809.009.791</i>
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		43.948.447.004	34.579.581.480
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(2.708.994.302)</b>	<b>8.331.597.217</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	147.873.911.811	2.260.871.630
12.	Chi phí khác	32	VI.08	74.451.710.515	362.022.830
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>73.422.201.296</b>	<b>1.898.848.800</b>
14.	<b>Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>70.713.206.994</b>	<b>10.230.446.017</b>
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	15.576.375.413	1.920.210.208
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	29.855.799	(72.167.751)
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>55.106.975.782</b>	<b>8.382.403.560</b>
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		361.745.355	325.146.467
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		54.745.230.427	8.057.257.093
19.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.11</b>	<b>13.373</b>	<b>1.968</b>

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2015

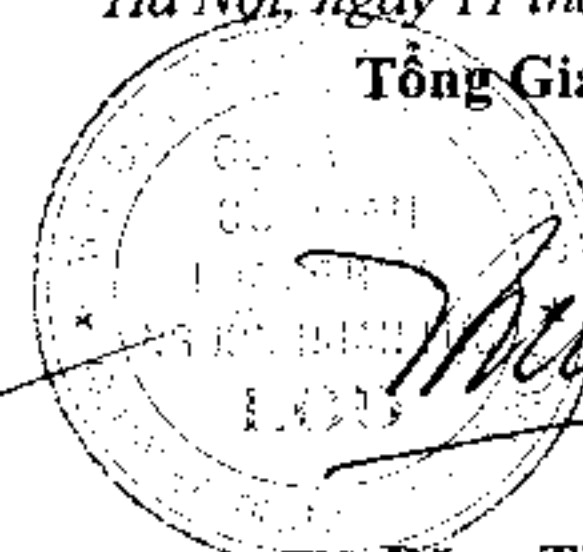
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Đặng Việt Long

  
Đặng Việt Long



  
Đặng Thu Hà

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		77.879.467.100	65.803.342.192
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(62.923.549.361)	(52.259.896.864)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.422.364.813)	(22.515.732.929)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(3.436.748.217)	(7.043.324.849)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(17.166.505.739)	(4.808.760.781)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		106.642.655.773	94.640.634.887
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(69.534.198.722)	(80.855.942.695)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.038.756.021</b>	<b>(7.039.681.039)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(28.151.830.981)	(5.108.761.403)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		101.049.090.902	130.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(34.940.000.000)	39.124.438.699
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		57.397.683.896	(7.266.000.000)
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.700.693.743	6.715.569.759
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>102.055.637.560</b>	<b>33.595.247.055</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		87.404.949.223	115.621.023.419
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(132.514.665.629)	(198.189.706.811)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.542.288.011)	(614.068.650)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(50.652.004.417)</b>	<b>(83.182.752.042)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>55.442.389.164</b>	<b>(56.627.186.026)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>75.546.296.086</b>	<b>132.339.725.931</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		233.792.273	(166.243.819)
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>131.222.477.523</b>	<b>75.546.296.086</b>

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

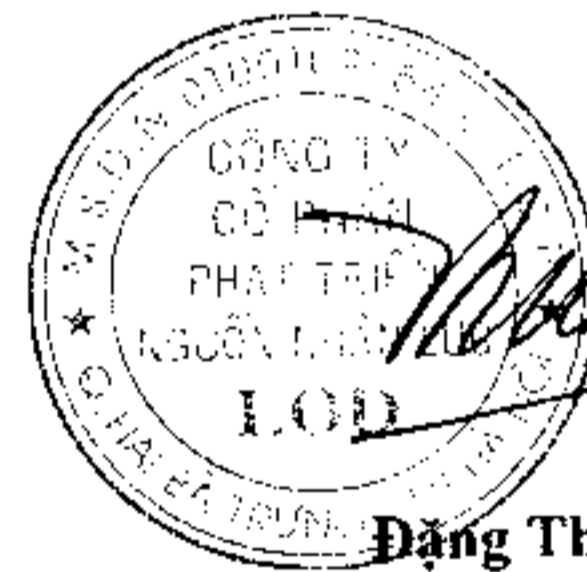
Tổng Giám đốc



Đặng Việt Long



Đặng Việt Long



Đặng Thu Hà

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2014**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Kinh doanh tòa nhà cho thuê văn phòng;
- Xuất khẩu lao động;
- Giới thiệu việc làm.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

**02. Cơ sở hợp nhất**

**Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

**03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

**04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình***

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm kế toán	05 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	Theo thời gian sử dụng (50 năm)

### **06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

#### *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

#### *Khấu hao*

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn không được trích khấu hao.

Bất động sản đầu tư là nhà trên đất được trích khấu hao trong thời gian là 25 năm.

### **07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

### **08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bao gồm:

- Tiền thuê đất trả trước;
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí sửa chữa;
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng;
- Các chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

### **09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu



## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền mặt	1.813.893.082	1.105.131.228
- Tiền gửi ngân hàng	5.792.072.744	6.803.965.203
- Các khoản tương đương tiền	123.616.511.697	67.637.199.655
<b>Cộng</b>	<b>131.222.477.523</b>	<b>75.546.296.086</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Công ty Cổ phần Cấp Điện Tân Cường Thành(*)	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cho Bà Đặng Thị Bích Vân vay (**)	5.000.000.000	42.800.000.000
- Công ty TNHH Sunrise Việt Nam	5.100.000.000	5.100.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	22.279.000.000	6.931.683.896
<b>Cộng</b>	<b>47.379.000.000</b>	<b>69.831.683.896</b>

(\*): Khoản hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Cấp điện Tân Cường Thành về việc kinh doanh nhập khẩu dây cáp điện.

(\*\*): Là khoản cho bà Đặng Thị Bích Vân vay theo hợp đồng ngày 04 tháng 01 năm 2013 với thời hạn vay là 01 năm và tự động gia hạn. Lãi suất cho vay 5%/năm.

**03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Lãi dự thu	6.847.593.721	5.121.118.770
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	18.362.909.907	15.357.723.691
<b>Cộng</b>	<b>25.210.503.628</b>	<b>20.478.842.461</b>

**04. Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	73.955.757	47.659.981
- Công cụ, dụng cụ	28.979.687	262.297.974
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	103.543.208	147.214.502
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>206.478.652</b>	<b>457.172.457</b>

**05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	327.639.574	-
<b>Cộng</b>	<b>327.639.574</b>	<b>-</b>

**06. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	770.000	770.000
- Tạm ứng	85.782.930.939	75.692.017.139
<b>Cộng</b>	<b>85.783.700.939</b>	<b>75.692.787.139</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>113.590.543.982</b>	<b>1.863.481.917</b>	<b>18.270.075.156</b>	<b>1.568.766.034</b>	<b>135.292.867.089</b>
- Mua trong năm	-	-	1.118.563.273	1.979.620.600	3.098.183.873
- Đầu tư XDCB hoàn thành	23.401.654.355	-	-	-	23.401.654.355
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	-	153.491.214	-	(153.491.214)	-
- Thanh lý, nhượng bán	(110.800.000)	-	(4.470.233.072)	(219.611.019)	(4.800.644.091)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>136.881.398.337</b>	<b>2.016.973.131</b>	<b>14.918.405.357</b>	<b>3.175.284.401</b>	<b>156.992.061.226</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>13.347.723.016</b>	<b>1.317.631.379</b>	<b>8.484.793.549</b>	<b>912.319.782</b>	<b>24.062.467.726</b>
- Khấu hao trong năm	4.904.526.524	190.836.513	1.616.337.345	387.418.344	7.099.118.726
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.901.925.263)	-	(1.901.925.263)
- Phân loại lại	(26.545.841)	153.491.214	24.247.957	(397.350.190)	(246.156.860)
- Tăng khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.225.703.699</b>	<b>1.661.959.106</b>	<b>8.223.453.588</b>	<b>902.387.936</b>	<b>29.013.504.329</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>100.242.820.966</b>	<b>545.850.538</b>	<b>9.785.281.607</b>	<b>656.446.252</b>	<b>111.230.399.363</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>118.655.694.638</b>	<b>355.014.025</b>	<b>6.694.951.769</b>	<b>2.272.896.465</b>	<b>127.978.556.897</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	65.368.800	64.312.500	129.681.300
- Mua trong năm	-	166.350.000	166.350.000
<i>Số dư cuối năm</i>	65.368.800	230.662.500	296.031.300
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	12.746.916	19.651.042	32.397.958
- Khấu hao trong năm	1.307.376	69.734.746	71.042.122
<i>Số dư cuối năm</i>	14.054.292	89.385.788	103.440.080
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. <i>Tại ngày đầu năm</i>	52.621.884	44.661.458	97.283.342
2. <i>Tại ngày cuối năm</i>	51.314.508	141.276.712	192.591.220

**09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ LOD	8.896.703.841	8.788.375.351
- Xây dựng nhà tắm C	50.750.590	-
<b>Cộng</b>	<b>8.947.454.431</b>	<b>8.788.375.351</b>

**10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	80.009.844.578	96.510.117	(80.106.354.695)	-
- Quyền sử dụng đất	28.106.464.091	96.510.117	(28.202.974.208)	-
- Nhà	51.903.380.487	-	(51.903.380.487)	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	12.456.656.266	1.942.898.523	(14.399.554.789)	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	12.456.656.266	1.942.898.523	(14.399.554.789)	-
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	67.553.188.312	96.510.117	(67.649.698.429)	-
- Quyền sử dụng đất	28.106.464.091	96.510.117	(28.202.974.208)	-
- Nhà	39.446.724.221	-	(39.446.724.221)	-

(\*): Trong năm, Công ty thực hiện chuyển nhượng bất động sản đầu tư là nhà và quyền sử dụng đất tại số 38 đường Nguyễn Phong Sắc (kéo dài), phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội cho Tập đoàn Phúc Lộc với giá chuyển nhượng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 140.108.718.182 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Đầu tư dài hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Công ty TNHH Sunrise Việt Nam (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
- Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Tài Tâm	1.051.433.750	1.051.433.750
- Cho vay dài hạn	5.670.000	10.670.000
<b>Cộng</b>	<b>2.057.103.750</b>	<b>2.062.103.750</b>

(\*): Là khoản hợp tác kinh doanh theo theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2011 ngày 06/01/2011 về việc hợp tác để thăm dò, tìm kiếm, hoàn tất các thủ tục để đưa lao động Việt Nam sang làm việc tại Nhật Bản theo hình thức xuất khẩu lao động với tổng số vốn là 1,5 tỷ, thời hạn 02 năm, phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ 50:50.

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.131.157.649	4.339.108.215
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	3.023.029.326	-
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	9.932.546.490	10.140.557.934
- Tiền thuê đất Hưng Yên	2.377.277.500	2.377.277.500
- Chi phí khác	10.000.000	15.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.474.010.965</b>	<b>16.871.943.649</b>

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	63.624.956	93.480.755
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>63.624.956</b>	<b>93.480.755</b>

(\*): Là khoản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ của khoản mục "Tiền" và khoản mục "Phải thu khách hàng" tại ngày 31/12/2014.

**14. Tài sản dài hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	2.363.418.623	2.462.829.184
- Tài sản dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.363.418.623</b>	<b>2.462.829.184</b>

**15. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>10.010.000.000</b>	<b>19.269.185.922</b>
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>19.269.185.922</i>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	10.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Tây Hà Nội	-	19.269.185.922
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>10.000.000</i>	<i>-</i>
+ Các đối tượng khác	10.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.010.000.000</b>	<b>19.269.185.922</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(\*) Là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, kỳ hạn vay 03 tháng, lãi suất từ 7% - 7,3%. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Đơn vị tính: VND

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	211.778.950	1.694.251.481
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	57.470.915	1.319.961.667
- Thuế thu nhập cá nhân	92.050.921	74.240.411
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	204.082.211	2.101.011.412
<b>Cộng</b>	<b>565.382.997</b>	<b>5.189.464.971</b>

**17. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí Ban quản lý tòa nhà	5.510.111	32.868.671
- Chi phí thuê nhà	62.685.000	81.818.181
- Chi phí phải trả khác	2.164.931.085	1.243.357.236
<b>Cộng</b>	<b>2.233.126.196</b>	<b>1.358.044.088</b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	238.749.341	348.746.275
- Kinh phí công đoàn	155.762.384	127.591.847
- Bảo hiểm xã hội	47.689.465	91.344.183
- Bảo hiểm y tế	7.938.175	3.025.248
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.744.206	1.341.277
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	28.069.889.661	12.709.889.661
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	208.363.679.804	200.067.705.711
+ Các khoản phải trả lao động xuất khẩu hết thời hạn	78.054.259.072	78.054.259.072
+ Các đối tượng khác	130.309.420.732	122.013.446.639
<b>Cộng</b>	<b>236.887.453.036</b>	<b>213.349.644.202</b>

**19. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	91.996.564.811	66.692.741.562
- Phải trả dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>91.996.564.811</b>	<b>66.692.741.562</b>

**20. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn</b>	<b>10.669.469.516</b>	<b>46.520.000.000</b>
- Vay dài hạn ngân hàng	10.669.469.516	46.520.000.000
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Hưng Yên (*)	10.669.469.516	46.520.000.000
+ Trái phiếu phát hành	2.800.000	2.800.000
<b>Cộng</b>	<b>10.672.269.516</b>	<b>46.522.800.000</b>

(\*) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Hưng Yên để xây dựng Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ LOD với lãi suất 6,9%, được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>40.937.910.000</b>	<b>16.390.366.383</b>	<b>6.262.901.369</b>	<b>856.068.518</b>	<b>21.711.446.553</b>	<b>86.158.692.823</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	8.057.257.093	8.057.257.093
Phân phối lợi nhuận	-	1.146.031.000	1.146.031.000	-	(4.051.145.650)	(1.759.083.650)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>40.937.910.000</b>	<b>17.536.397.383</b>	<b>7.408.932.369</b>	<b>856.068.518</b>	<b>25.717.557.996</b>	<b>92.456.866.266</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>						
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	54.745.230.427	54.745.230.427
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm nay	-	358.348.189	121.460.095	-	(4.511.601.368)	(4.031.793.084)
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>40.937.910.000</b>	<b>17.894.745.572</b>	<b>7.530.392.464</b>	<b>856.068.518</b>	<b>75.951.187.055</b>	<b>143.170.303.609</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	40.937.910.000	40.937.910.000
<b>Cộng</b>	<b>40.937.910.000</b>	<b>40.937.910.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	40.937.910.000	40.937.910.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	40.937.910.000	40.937.910.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.275.032.800	614.068.650

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.093.791	4.093.791
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.093.791	4.093.791
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.093.791	4.093.791
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.093.791	4.093.791
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.093.791	4.093.791
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	80.025.381.141	75.707.850.497
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	16.522.265.540	17.363.260.264
<b>Cộng</b>	<b>96.547.646.681</b>	<b>93.071.110.761</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giảm giá hàng bán	-	172.931.334
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>172.931.334</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	80.025.381.141	75.534.919.163
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	16.522.265.540	17.363.260.264
<b>Cộng</b>	<b>96.547.646.681</b>	<b>92.898.179.427</b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	48.236.731.157	44.930.492.632
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	8.158.075.297	8.321.610.575
<b>Cộng</b>	<b>56.394.806.454</b>	<b>53.252.103.207</b>

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.413.876.396	13.684.689.025
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	827.515.865	1.107.129.793
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	214.757	1.933.836
<b>Cộng</b>	<b>7.241.607.018</b>	<b>14.793.752.654</b>

**06. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	4.937.729.654	7.809.009.791
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	742.375.201	2.801.123.221
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	474.889.688	915.637.165
- Chi phí tài chính khác	-	2.880.000
<b>Cộng</b>	<b>6.154.994.543</b>	<b>11.528.650.177</b>

**07. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Thu chuyển nhượng thanh lý bất động sản đầu tư, thanh lý tài sản cố định	141.157.809.084	-
- Tiền thuê đất năm 2012 được giảm tại thửa đất 924 Bạch Đằng, P. Thanh Lương, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	2.568.459.050	-
- Hoa hồng bán bảo hiểm	407.123.936	-
- Thu nhập khác	3.740.519.741	2.260.871.630
<b>Cộng</b>	<b>147.873.911.811</b>	<b>2.260.871.630</b>

**08. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư, tài sản cố định thanh lý	68.275.107.715	-
- Bổ sung tiền thuê đất năm 2013	367.776.016	-
- Chi phí thanh lý tài sản	5.491.934.014	-
- Chi phí khác	316.892.770	362.022.830
<b>Cộng</b>	<b>74.451.710.515</b>	<b>362.022.830</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	15.576.375.413	1.920.210.208
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>15.576.375.413</b>	<b>1.920.210.208</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(63.624.956)	(93.480.755)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	93.480.755	21.313.004
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>29.855.799</b>	<b>(72.167.751)</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	54.745.230.427	8.057.257.093
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	54.745.230.427	8.057.257.093
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.093.791	4.093.791
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>13.373</b>	<b>1.968</b>

**12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.373.864.949	2.724.925.820
- Chi phí nhân công	28.252.471.646	25.051.674.180
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.113.059.371	9.809.336.846
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.385.538.814	31.887.462.543
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.192.549.422	-
- Chi phí khác bằng tiền	21.982.097.962	18.170.425.301
<b>Cộng</b>	<b>100.299.582.164</b>	<b>87.643.824.690</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm nay
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ	124.311.818
Thanh lý bất động sản đầu tư chưa thu được bằng tiền	52.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Bà Đặng Thị Bích Vân	Là em gái của Bà Đặng Thu Hà - Tổng Giám Đốc kiêm Ủy viên Hội Đồng Quản trị của Công ty

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	<b>Năm nay</b>
<b>Bà Đặng Thị Bích Vân</b>	
+ Lãi tiền cho vay	2.136.252.055
+ Thu hồi khoản cho vay	37.800.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<b>Số cuối năm</b>
<b>Bà Đặng Thị Bích Vân</b>	
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000
+ Các khoản phải thu khác (lãi dự thu)	6.201.327.055
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>11.201.327.055</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tiền lương và phụ cấp	4.288.542.689	4.104.263.236
<b>Cộng</b>	<b>4.288.542.689</b>	<b>4.104.263.236</b>

**02. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD**

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND*

	<b>Cung cấp dịch vụ</b>	<b>Kinh doanh bất động sản</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	80.025.381.141	16.522.265.540	96.547.646.681
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	81.649.980.288	17.606.660.695	99.256.640.983
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(1.624.599.147)	(1.084.395.155)	(2.708.994.302)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	(21.029.375.489)	(7.122.455.492)	(28.151.830.981)
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.395.634.371	1.717.425.000	9.113.059.371
<b>Số dư cuối năm</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	301.792.994.228	47.538.164.900	349.331.159.128
- Tài sản không phân bổ			179.313.822.540
<b>Tổng tài sản</b>	<b>301.792.994.228</b>	<b>47.538.164.900</b>	<b>528.644.981.668</b>
- Nợ phải trả bộ phận	302.949.710.429	57.736.806.919	360.686.517.348
- Nợ phải trả không phân bổ			23.302.521.770
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>302.949.710.429</b>	<b>57.736.806.919</b>	<b>383.989.039.118</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LOD

Số 924, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 02. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

### 03. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả cho người bán	9.432.146.399	-	9.432.146.399
Vay và nợ	10.010.000.000	10.672.269.516	20.682.269.516
Chi phí phải trả	2.233.126.196	-	2.233.126.196
Các khoản phải trả khác	236.433.569.465	91.996.564.811	328.430.134.276
<b>Cộng</b>	<b><u>258.108.842.060</u></b>	<b><u>102.668.834.327</u></b>	<b><u>360.777.676.387</u></b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả cho người bán	2.907.026.845	-	2.907.026.845
Vay và nợ	19.269.185.922	46.522.800.000	65.791.985.922
Chi phí phải trả	1.358.044.088	-	1.358.044.088
Các khoản phải trả khác	212.777.595.372	66.692.741.562	279.470.336.934
<b>Cộng</b>	<b><u>236.311.852.227</u></b>	<b><u>113.215.541.562</u></b>	<b><u>349.527.393.789</u></b>

2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công nợ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



#### 06. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

#### 07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2015

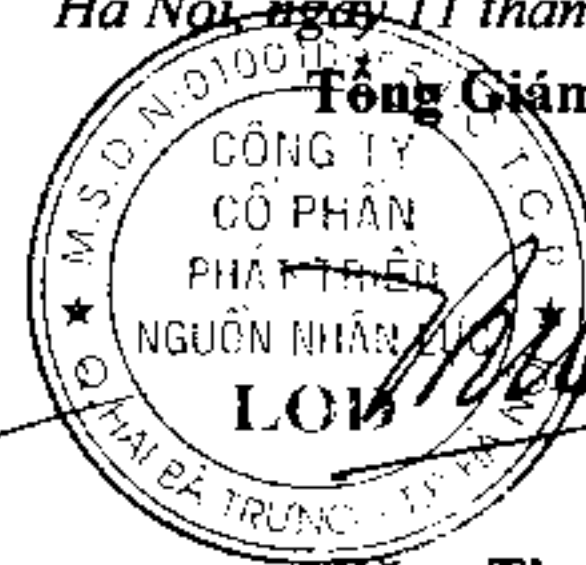
Người lập biểu

  
Đặng Việt Long

Kế toán trưởng

  
Đặng Việt Long

Tổng Giám đốc



  
Đặng Thu Hà